

Mục 11: CHỈ NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

Đoạn 1: Thuật Lại Chỗ Ngộ, Tỉnh Cầu Pháp Tu Hành

Chánh văn:

A-nan và cả đại chúng nghe lời Phật dạy, tiêu hết nghi hoặc, ngộ được thật tướng, thân và ý đều yên lành, được pháp chưa từng có. Rồi lại thương khóc, đánh lễ nơi chân Phật, quì dài chấp tay bạch Phật:

- Đức vô thượng đại bi thanh tịnh Bảo vương khéo khai ngộ cho tâm của chúng con, dùng các nhân duyên như thế, phương tiện dắt dìu những kẻ chìm đắm ra khỏi bể khổ. Bạch Thế Tôn! Nay con tuy được vâng nghe pháp âm như vậy, nhận biết tâm tánh diệu minh của Như Lai tạng hiện bày cùng khắp thế giới nơi mười phương, trùm chứa các cõi Phật bảo nghiêm thanh tịnh trong mười phương quốc độ, Như Lai lại trách con nghe nhiều mà vô dụng, không kịp thời tu tập. Nay con giống như người lênh đênh phiêu bạt, bỗng nhiên gặp vị Thiên vương cho cái nhà tốt, tuy được nhà lớn, nhưng cốt yếu phải biết cửa mà vào, xin nguyện Đức Như Lai không ngớt lòng đại bi, chỉ bày cho những kẻ mờ tối nơi chúng hội này, rời bỏ pháp Tiểu thừa và đều nhận được con đường phát tâm tu tập đi đến Niết-bàn vô dư của Như Lai, khiến cho những hàng hữu học biết cách uốn dẹp tâm duyên dựa lâu đời, được pháp tổng trì, chứng nhập tri kiến của Phật.

A-nan nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ở trong chúng hội một lòng mong đợi diệu chỉ từ bi của Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thương xót các hàng Thanh văn, Duyên giác trong chúng hội chưa được tự tại nơi tâm Bồ-đề và những chúngng sinh phát tâm Bồ-đề trong đời mạt pháp, về sau khi Phật đã diệt độ rồi, khai thị cho đường tu hành nhiệm mầu nơi pháp vô thượng thừa, Ngài chỉ dạy A-nan với cả đại chúng:

- Các ông quyết định phát tâm Bồ-đề, đối với pháp Tam-ma-đề của chư Phật Như Lai không sinh mệt mỏi, trước hết nêu rõ hai nghĩa quyết định, trong lúc bắt đầu phát tâm tự giác.

*** Chú thích:**

Tôn giả A-nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, hết điều nghi hoặc, ngộ được tâm tánh tuyệt đối cùng khắp mười phương, nhưng tuy về lý đã giác ngộ đến một mức nhất định, mà về sự thì còn chưa rõ đường lối tu hành thiết thực chứng được tâm tánh. Tôn giả A-nan đã ví dụ mình như một người được cho một cái nhà lớn, nhưng còn không biết cửa mà vào. Rồi ông xin Phật chỉ dạy những phương pháp tu hành, diệt trừ được

những tập quán duyên dựa và chứng nhập được tri kiến của Phật.

Từ trước đến nay, Phật đã chỉ dạy rất nhiều về đường lối viên ngộ, viên tu, viên chứng cho Tôn giả A-nan, chẳng những được cái nhà tốt, mà còn biết cửa mà vào ngay, nhưng Tôn giả A-nan chỉ lãnh hội được một phần, biết có cái nhà, nhưng không biết cửa mà vào, do đó, nên Phật phương tiện chỉ thêm đường lối cho Tôn giả A-nan tìm ra được cửa và chỉ dạy hai nghĩa quyết định, trong lúc bắt đầu phát tâm muốn tự giác.

Đoạn 2: Xét Về Phát Tâm Trong Lúc Tu Nhân

Chánh văn:

Chi 1: *Dùng hư không để ví với chánh nhân và chia ra bên trong, bên đục.*

Thế nào là hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm? A-nan! Nghĩa thứ nhất là: Nếu các ông muốn rời bỏ pháp Thanh văn, tu thừa Bồ-tát, vào tri kiến của Phật, thì nên xét kỹ chỗ phát tâm trong lúc tu nhân với chỗ giác ngộ trong lúc chứng quả, là đồng hay là khác nhau. A-nan! Nếu trong lúc tu nhân, đem cái tâm sinh diệt làm cái nhân tu hành, để cầu cho được cái quả bất sinh bất diệt của Phật thừa, thật không thể được. Do ý nghĩa đó, ông nên xét các pháp, có thể làm ra trong khi thế gian, đều phải thay đổi diệt mất. A-nan! Ông xét các pháp, có thể làm ra trong thế gian, có cái gì là không hư nát, nhưng không bao giờ nghe hư không tan rã. Vì sao? Vì hư không không phải là cái bị làm ra, do đó, trước sau không hề tan mất. Trong thân ông, tướng cứng là địa đại, thấm ướt là thủy đại, hơi ấm là hỏa đại, lay động là phong đại, do bốn cái ấy ràng buộc, mà chia cái tâm tánh diệu minh vắng lặng cùng khắp của ông, làm ra cái thấy, cái nghe, cái biết, cái xét, từ đầu đến cuối, tạo thành năm lớp ô trược.

Thế nào là trược? A-nan! Ví như nước trong bản nhiên là trong sạch, lại như những thứ bụi, đất, tro, cát, bản chất là ngăn ngại, hai bên bản nhiên thể chất khác nhau, không hợp nhau được. Có người thế gian lấy đất bụi kia, ném vào nước sạch, thì đất mất ngăn ngại, nước mất trong sạch, hình trạng vẫn đục, gọi đó là trược, năm lớp ô trược của ông cũng giống như vậy.

Chi 2: *Khai thị về năm trược.*

A-nan! Ông thấy hư không khắp mười phương thế giới, bên không, bên thấy, không tách rời nhau, có cái không mà không thật thể, có cái thấy mà không hay biết, hai bên xen lộn giả dối thành ra lớp thứ nhất,

gọi là kiếp trước.

Thân ông hiện ôm bốn đại làm tự thể, che bít những sự thấy, nghe, hay, biết, thành bị ngăn ngại, và trở lại làm cho các thứ địa, thủy, hỏa, phong, thành có hay biết, các điều đó xen lộn giả dối thành ra lớp thứ hai, gọi là kiến trước.

Lại trong tâm ông, những sự nhớ biết, học tập, phát ra tri kiến, hiện ra tướng sáu trần, thì những sự đó, rời tiền trần không có tướng, rời trí giác không có tánh, xen lộn giả dối thành ra lớp thứ ba, gọi là phiền não trước.

Lại tâm ông ngày đêm sinh diệt không ngừng, tri kiến thì muốn lưu mãi ở thế gian, nhưng nghiệp báo xoay vần thì lại thường dời đổi cõi này cõi khác, những điều đó xen lộn giả dối thành ra lớp thứ tư, gọi là chúng sinh trước.

Cái thấy, cái nghe của ông, bản tánh vốn không khác nhau, do các trần cách trở, mà không duyên cố gì, lại sinh ra khác nhau, trong tánh thì vẫn biết nhau, nhưng trong dụng thì trái ngược nhau, cái đồng và cái khác đã mất hẳn chuẩn đích, xen độn, giả dối thành ra lớp thứ năm gọi là mạng trước.

Chi 3: *Kết thành cái tâm tu nhân.*

A-nan! Nay ông muốn cho sự thấy, nghe, hay, biết, khế hợp dài lâu với bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như Lai, trước hết phải lựa bỏ cội gốc sống chết, nương theo cái không sinh diệt mà thành tựu tánh yên lặng cùng khắp. Dùng cái yên lặng để xoay các thứ sinh diệt hư vọng trở về nơi bản giác, được tánh không sinh diệt của bản giác làm cái tâm tu nhân, về sau mới viên thành chỗ tu chứng của quả vị. Như lắng nước đục đứng trong một cái đồ để yên, để yên mãi không lay động, thì đất cát tự chìm xuống và nước trong hiện ra, thế gọi là bắt đầu uốn dẹp các phiền não khách trần, gạn bùn hết sạch, chỉ còn nước trong, gọi là dứt hẳn căn bản vô minh, tướng sáng suốt đã tinh thuần thì tất cả các điều biến hiện đều không gây ra phiền não và hợp với đức mâu thanh tịnh của Niết-bàn.

*** Chú thích:**

Chi 1: *Dùng hư không để ví với chánh nhân và chia ra bên trong, bên đục.*

Trong hai nghĩa quyết định, nghĩa thứ nhất là cần phải xét kỹ chỗ phát tâm trong lúc tu nhân và chỗ giác ngộ trong lúc chứng quả, là đồng nhau hay là khác nhau. Nhân nào thì quả ấy, nếu đem cái tâm sinh diệt mà làm cái nhân tu hành, thì quyết định không thể chứng được cái quả

bất sinh bất diệt của Phật.

Nghĩa thứ nhất này rất quan trọng, quả vị trong đạo Phật đều là vô ngã, là vị tha, là thật chứng toàn thể toàn dụng pháp giới tánh như như bình đẳng. Nếu không thận trọng lúc tu nhân, đem cái tâm nhân ngã, vì danh, vì lợi, vì hạnh phước riêng, vì trường sinh, cho đến vì thần thông, vì địa vị mà tu hành, rốt cuộc cũng không khác gì nấu cát muốn cho thành cơm, quyết không thể chứng được đạo quả của Phật giáo.

Phật lại bảo Tôn giả A-nan xét kỹ các sự vật trong thế gian, sự gì vật gì đã có sinh là đều phải có diệt, duy có cái hư không không có tướng, không do cái gì sinh ra, trước sau không bị tan mất. Vì thế nên biết, nếu còn chấp có thật ngã, chấp có thật pháp, còn thấy thật có sinh diệt, thì không thể chứng quả Bồ-đề.

Chúng sinh mê lầm, đi ngược với bản tánh diệu minh, nhận bốn đại làm thân của mình, rồi nương theo thân đó mà đối đãi với hoàn cảnh, phát sinh ra cảm giác, do cảm giác khác nhau làm cho tánh bản minh chia thành những điều thấy, nghe, phân biệt, che lấp tâm tánh, tạo ra năm lớp ô trược, gọi là ngũ trược.

Trược là vẩn đục. Như nước trong lẫn đất cát vào thì nước mất trong sạch, đất mất ngăn ngại, hai bên lẫn lộn với nhau thành ra nước đục. Ngũ trược nơi tự thân cũng vậy. Bản tánh vốn là thanh tịnh, thường trụ, không thay đổi, vọng tưởng vốn là giả dối, sinh diệt, tiếp tục, hai bên tính cách trái ngược nhau. Chúng sinh không giác ngộ bản tánh, theo các vọng tưởng để cho vọng tưởng choán mất tâm tánh, nên mới sinh ra ngũ trược.

Chi 2: Khai thị về ngũ trược.

Ngũ trược là kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược và mạng trược.

1. Kiếp trược: Là nơi một tâm tánh chia ra có năng (chủ thể) có sở (đối tượng), tuy đã chia ra năng sở, nhưng cái năng minh chưa có phân biệt, cái sở minh chưa có hình tướng, đó là lớp thứ nhất.

2. Kiến trược: Là đã chia ra có thân có cảnh, cột cái năng minh vào một thân bốn đại, làm cho những vật vô tri hóa thành có hay biết. Dem cái thân đối đãi với cảnh, cảnh đối đãi với thân sinh ra cảm giác, mặc dầu những cảm giác đó còn là hỗn nhiên, chưa phân tích ra thành các sự vật, đó là lớp thứ hai.

3. Phiền não trược: Là ý thức tóm thâu các cảm giác, phát hiện những tướng chung của các sự vật, nương theo các tướng chung ấy mà phân biệt sự này, vật khác, tùy theo tính cách đặc biệt của sự vật, mà

đặt tên, mà ưa ghét, mà nhớ nghĩ, làm cho tâm thức luôn luôn bị rối loạn khổ não, đó là lớp thứ ba.

4. Chúng sinh trước: Là chúng sinh đã rời bỏ tâm tánh thường trụ, nhận cái tâm thức sinh diệt là mình, nhận cái thân bốn đại sinh diệt làm thân mình, tất nhiên phải chịu quả báo sinh diệt. Vì thế, mặc dầu chúng sinh gắn bó với cái thân mình, với cái ý thức hay biết của mình, trông mong sống mãi như thế, nhưng quả báo sinh diệt lại bắt buộc những cái có sống thì phải có chết. Chết mà luyện tiếc mãi cái sống nên hết thân này chịu thân khác, theo nghiệp báo mà xoay vần mãi mãi trong sáu nẻo, đó là lớp thứ tư.

5. Mạng trước: Là tuy xoay vần mãi mãi, hết thân này thì sang thân khác, nhưng hề sống với thân nào thì dính liền với thân ấy, bị cái tổ chức của thân ấy ràng buộc, do đó, tuy đồng một tánh biết mà chỉ có thể thấy với con mắt, nghe với lỗ tai, tùy theo từng bộ phận của thân thể mà lãnh thọ những cảm giác nhất định, làm cho cái hay biết viên mãn cùng khắp bị hiện nghiệp hạn chế, đó là lớp thứ năm.

Lúc đoạn trừ mê lầm, thường đoạn trừ từ cạn đến sâu, từ gốc đến ngọn, nên mới chia ra có năm lớp, chứ không phải mê lầm thật có từng lớp.

Chi 3: *Kết thành cái tâm tu nhân.*

Nguyên nhân của ngũ trước là vì bỏ mất tánh không sinh diệt và theo tánh sinh diệt, vậy muốn trừ diệt nguyên nhân ấy, phải đi ngược dòng mê, luôn luôn theo tánh không sinh diệt, mà rời bỏ các sinh diệt, cho đến khi diệt trừ tất cả không sinh diệt tức là giữ mãi cái sáng suốt yên lặng không phân biệt, dùng cái yên lặng đó xoay tất cả các thứ sinh diệt giả dối trở về tánh không sinh diệt, lấy cái tánh không sinh diệt làm cái tâm tu nhân để về sau viên thành đạo quả. Tu hành như vậy, cũng như người lãng nước đục, giữ nước đục đứng yên mãi trong một thời gian, thì đất cát lắng xuống, hiện ra nước trong, thế là bắt đầu uốn dẹp phiền não và nhận được tánh thanh tịnh bản lai. Đến khi gạn bùn cho sạch, chỉ còn nước trong, dầu lãc bao nhiêu cũng không đục nữa, gọi là dứt hẳn căn bản vô minh. Lúc ấy, mặc ý theo cảnh giới vọng tưởng, hiện ra thân như huyễn cảnh như huyễn để hóa độ chúng sinh mà vẫn không thể phát sinh vọng tưởng, không thể còn thấy có gì là sinh diệt nữa.

Lãng nước, gạn bùn cốt để thấy được nước trong, đến khi thấy được nước trong, thì mới biết nước đó có sẵn, không phải từ ngoài đưa tới.

Phật tánh là không sinh diệt, năm uẩn là sinh diệt, nhưng năm uẩn vốn ở trong Phật tánh và Phật tánh cũng chính ở trong năm uẩn, vì thế cần ngay nơi năm uẩn mà nhận được Phật tánh, chứ không phải riêng có cái gì, gọi là không sinh diệt cả.

Đoạn 3: Xét Rõ Cội Gốc Phiền Não

Chánh văn:

Chi 1: *Xét chỗ điên đảo nơi căn và trần.*

Nghĩa thứ hai là các ông quyết muốn phát tâm Bồ-đề, nơi thừa Bồ-tát sinh tâm đại dũng mãnh, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi, nên xét rõ cội gốc phiền não, những cái vô minh phát nghiệp và nhuận sinh vô thí đó là ai làm, ai chịu?

A-nan! Ông tu đạo Bồ-đề, nếu không suy xét cội gốc của phiền não, thì không thể biết những căn trần hư vọng, có điên đảo ở chỗ nào, chỗ điên đảo còn không biết, làm sao uốn dẹp được nó và chứng được quả vị Như Lai.

A-nan! Ông hãy xem người thế gian cởi nút, hễ không thấy chỗ thắt nút, thì không biết cởi, chứ không hề nghe hư vọng bị phá tan. Vì sao? Vì hư không không có hình tướng, không thắt, không cởi. Như ông hiện nay, sáu thứ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý làm mai mối cho giấc, tự cướp của báu trong nhà, do đó, từ vô thí, thế giới chúng sinh sinh ra ràng buộc, không thể vượt khỏi sự vật thế gian.

Chi 2: *Chỉ rõ sự ràng buộc và siêu thoát của thế giới chúng sinh.*

A-nan! Thế nào gọi là thế giới chúng sinh? Thế là đời đời, giới là phương hướng. Ông nay nên biết những phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông nam, Tây nam, Đông bắc, Tây bắc, phương Trên, phương Dưới là giới. Còn quá khứ, vị lai, hiện tại là thế. Phương hướng có mười, số lưu chuyển của thời gian có ba, hết thấy chúng sinh dật cái vọng mà thành như vậy, nơi sự đời đời trong thân, thế và giới gắn bó với nhau. Nhưng cái tánh của giới đó, tuy là mười phương, song có chỗ nhất định có thể chỉ rõ, thì thế gian chỉ nhận phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phía trên phía dưới thì không có vị trí rõ ràng, ở giữa cũng không có chỗ nhất định. Số bốn đã rõ rồi, nhân với số thế, thì ba lần bốn, bốn lần ba, xoay vẫn là số mười hai, nhân luôn ba lớp, một chục thành trăm, thành ngàn, thì tổng quát trước, sau, ở trong sáu căn, mỗi mỗi có thể có đến một ngàn hai trăm công năng.

A-nan! Trong sáu căn đó, ông lại xét định chỗ hơn, chỗ

kém. Như nhĩ căn xem thấy, phía sau thì tối, phía trước thì sáng, phương trước

toàn sáng, phương sau toàn tối, kể cả ngõ qua bên phải, bên trái, thì ba phần chỉ thấy được hai, tóm lại công năng của nhĩ căn không toàn vẹn, trong ba phần công năng thì một phần không có, vậy nên nhĩ căn chỉ có tám trăm công năng.

Như nhĩ căn nghe khắp mười phương không sót, động thì giống như có xa có gần, tĩnh thì không có bờ bến, vậy nên biết nhĩ căn đầy đủ một ngàn hai trăm công năng.

Như tỷ căn ngửi biết cả lúc thở ra, thở vào, chỉ có trong lúc thở ra, thở vào mà còn thiếu trong lúc hơi thở giao tiếp, xét nơi tỷ căn, ba phần còn thiếu một, vậy nên biết tỷ căn chỉ có tám trăm công đức.

Như thiệt căn phô bày cùng tột trí thế gian và xuất thế gian, lời nói có chừng hạn, nhưng lý thì vô cùng vô tận, vậy nên biết thiệt căn đầy đủ một ngàn hai trăm công năng.

Như thân căn biết xúc trần, biết các cảm xúc trái và thuận, khi hợp lại thì biết, khi rời ra thì không biết, rời chỉ có một, hợp thì có hai, xét nơi thân căn, ba phần còn thiếu một, vậy nên biết thân căn chỉ có tám trăm công năng.

Như ý căn thâm lặng dung nạp tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian trong mười phương ba đời, dù Thánh hay phàm, không pháp nào là không bao dung cùng tột bờ bến, vậy nên biết ý căn đầy đủ một ngàn hai trăm công năng.

A-nan! Nay ông muốn ngược dòng sinh tử, xoay về tột gốc lưu chuyển, đến chỗ không sinh diệt, thì nên xét trong sáu căn hiện đương thọ dụng, cái gì là hợp, cái gì là ly, cái gì là sâu, cái gì là nông, cái gì là viên thông, cái gì là không viên mãn. Nếu ngộ được căn tánh viên thông nơi đó, ngược lại dòng vọng nghiệp dật từ vô thủy kia và được tánh viên thông, đối với sự tu hành nơi căn không viên thông, hiệu quả gấp bội, một ngày bằng một kiếp. Ta nay đã chỉ rõ sáu căn viên minh, vốn có những số lượng công năng như thế, tùy ông lựa chọn nơi căn nào, có thể nhập đạo được, thì Như Lai sẽ nêu rõ để cho ông được tăng tiến trên đường tu hành. Mười phương Như Lai nói mười tám giới, mỗi giới đều tu hành được viên mãn Bồ-đề vô thượng, trong các giới đó, cũng không có gì là hơn, là kém. Chỉ vì ông căn cơ thấp kém, chưa thể viên mãn trí tuệ, tự tại trong ấy được, nên Như Lai bảo ông chỉ đi sâu vào một căn, đi sâu đến chỗ không còn vọng tưởng, thì cả sáu căn kia một thời đều thanh tịnh.

Chi 3: *Chỉ rõ chỗ hư vọng của*

- Thưa Thế Tôn! Làm sao ngược dòng hư vọng, đi sâu vào một căn, lại có thể khiến cho sáu căn một thời đều thanh tịnh?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Ông nay đã được quả Tu-đà-hoàn, đã diệt được kiến hoặc nơi ba cõi thế gian của chúng sinh, song còn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy, các tập khí kia phải nhân tu đạo rồi mới đoạn được, huống chi trong đó còn có rất nhiều phần loại, số mục sinh trụ dị diệt.

Nay ông hãy xét sáu căn hiện tiền là một, hay là sáu. A-nan! Nếu nói là một, thì lỗi tai sao không thấy, con mắt sao không nghe, đầu sao không đi, chân sao không nói, còn nếu sáu căn đó quyết định là sáu, thì như trong hội này, Như Lai chỉ dạy pháp môn nhiệm mầu cho ông, trong sáu căn của ông, cái gì lãnh thọ?

A-nan bạch:

- Con dùng lỗi tai nghe.

Phật dạy:

- Lỗi tai ông tự nghe, nào dính gì đến thân với miệng, mà miệng ông thì hỏi nghĩa, thân ông thì đứng dậy kính vâng. Vậy nên biết chẳng phải một mà cuối cùng thành sáu, chẳng phải sáu mà cuối cùng thành một, rốt cuộc cái căn của ông vốn không phải là một hay là sáu. A-nan! Ông nên biết cái căn ấy không phải một, không phải sáu, do từ vô thủy tham đắm trái ngược, nên nơi tánh tròn lặng sinh ra có cái một, cái sáu. Nay ông được quả Tu-đà-hoàn, tuy đã tiêu được cái sáu, nhưng còn chưa quên cái một.

Như hư không, hợp với các đồ đựng, do hình trạng đồ đựng khác nhau mà gọi là hư không khác nhau, đến khi trừ bỏ đồ đựng mà xem hư không, thì nói hư không là một, chứ hư không kia, sao lại vì ông mà thành đồng hay không đồng, huống nữa lại gọi là một hay không phải một.

Sáu căn hay biết của ông cũng như vậy.

Do hai thứ sáng và tối, làm rõ lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, gắn liền với tánh yên lặng, phát ra cái thấy, cái thấy ánh ra thành sắc, kết cái sắc là thành căn, gốc căn, gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể con mắt như quả bồ đào, bốn trần của phủ căn dong ruổi chạy theo sắc.

Do hai thứ động và tĩnh đối chọi lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, gắn với tánh yên lặng, phát ra cái nghe, cái nghe ánh ra thành tiếng, cuốn cái tiếng lại thành căn, gốc căn, gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình

thể cái tai như lá mới cuốn, bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo tiếng.

Do hai thứ thông và bịt phát hiện lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, gắn với tánh yên lặng, phát ra cái ngửi, cái ngửi ánh ra thành hương, thân nạp cái hương thành căn, gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái mũi như hai móng tay rũ xuống, bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo hương.

Do hai thứ nhạt và có vị xen vào nhau, nơi tánh diệu viên, gắn với tánh yên lặng, phát ra cái nếm, cái nếm ánh ra thành vị, thưởng thức các vị thành căn, gốc căn, gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái lưỡi như mặt trăng mới khuyết, bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo vị.

Do hai thứ ly và hợp cọ xát nhau, nơi tánh diệu viên, gắn với yên lặng, phát ra cái biết xúc, cái biết xúc ánh ra thành xúc, ôm nắm cái xúc thành căn, gốc căn, gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái thân như dáng trống cơm, bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo xúc.

Do hai thứ sinh và diệt nối tiếp lẫn nhau, nơi tánh diệu viên, gắn với tánh yên lặng, phát ra cái biết, cái biết ánh ra thành các pháp, tóm thân các pháp thành căn, gốc căn, gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi là cái ý như cái thấy trong phòng tối, bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo pháp.

Chi 4: *Chỉ ra hư vọng không thật, phát minh chân tánh viên thoát.*

A-nan! Sáu căn như vậy do tánh giác minh kia chuyển thành minh giác, mất tánh sáng suốt, gắn chặt với cái vọng mà phát ra hay biết. Vậy nên ông nay rời sáng và tối thì không có cái thấy, rời động rời tĩnh thì không có cái nghe, không thông không bịt thì cái ngửi không sinh, không vị không nhạt thì cái nếm không phát ra, không ly không hợp thì cái biết xúc vốn không, không diệt không sinh thì cái rõ biết không gá vào đâu.

Ông chỉ đi theo những động tĩnh, hợp ly, không vị có vị, thông bịt, sáng tối, sinh diệt, cả mười hai tướng hữu vi đó, đi đến rút được một căn ra khỏi cái vướng mắc phục vào bên trong, phục trở về tánh bản chân, phát ra tánh sáng suốt bản lai, tánh sáng suốt đó đã phát minh, năm chỗ vướng mắc khác cũng liền đó được giải thoát.

Không do tiền trần mà khởi ra tri kiến thì cái sáng suốt không đi theo căn, chỉ nhờ nơi căn mà phát ra, nhân đó sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau.

A-nan! Há ông không biết ở trong hội này, Tôn giả A-na-

không có mắt mà thấy, rồng Bạt-nan-đà không có tai mà nghe, thần nữ Căng-già không có mũi mà nghe hương, ông Kiều-phạm-bát-đề lưỡi khác mà biết vị, thần Thuấn-nhã-đa không có thân mà biết xúc, do hào quang Như Lai ánh ra, làm cho ông tạm thời hiện ra có thân, chứ bản chất của ông là gió thì thân thể vốn không có, các vị Thanh văn được tịch diệt trong định diệt tận, như Tôn giả Ma ha Ca-diếp trong hội này đã diệt ý căn lâu rồi mà vẫn rõ biết cùng khắp, không nhân tâm niệm.

A-nan! Nếu các căn của ông đều được giải thoát trọn đủ thì cái sáng suốt trong tâm tánh phát ra, như thế thì các phù trần và các tướng biến hóa trong thế gian sự vật đều tiêu mất, như băng gặp nước sôi, ngay đó, liền hóa thành trí giác vô thượng.

A-nan! Như người thế gian kia, nhóm cái thấy nơi con mắt, nếu bảo nhắm kín thì tướng tối hiện ra, cả sáu căn đều tối, đầu và chân giống nhau. Người kia lấy tay sờ quanh ngoài thân thể, tuy không thấy nhưng một phen nhận được đầu và chân rồi, cái hay biết vẫn đồng như trước kia.

Duyên gì cái thấy nhân nơi sáng, nên khi tối thành ra không thấy, chứ không có sáng mà tự phát ra cái thấy, thì các thứ tối hẳn không thể làm mờ được. Căn và trần đã tiêu rồi, làm sao tánh giác minh lại không thành nhiệm mầu cùng khắp.

*** Chú thích:**

Chi 1: Xét chỗ điên đảo nơi căn và trần.

Trong nghĩa quyết định thứ nhất, Phật đã dạy căn phải lấy tâm tánh không sinh diệt làm cơ sở để tu tiến và nhận biết những lớp mê lầm đã che lấp tâm tánh. Về nghĩa quyết định thứ hai, Phật dạy phải lựa bỏ những cội gốc sai lầm cho kỳ hết.

Tại sao có mê lầm, mê lầm do đâu mà có, tại sao tâm đối với cảnh lại sinh ra đấm cháp, tại sao nơi nhất chân pháp giới lại chia ra có tâm năng minh và cảnh sở minh đối đãi với nhau, trung tâm của sự mê lầm là gì? Đó là những điều mà người tu hành pháp Phật cần phải nhận rõ. Nếu không nhận rõ những điều nấy, còn không biết mê lầm là thế nào, nguyên nhân mê lầm ở đâu, hướng nữa là trừ diệt mê lầm cho hết sạch.

Cũng như có người bị trói hai chân, nếu muốn cởi trói thì phải do nơi nút mà cởi, không biết cái nút ở chỗ nào thì dầu kéo mỗi bên này hay mỗi bên kia cũng không thể cởi được. Trừ những người thiết thực nhận rõ không có gì là trói buộc và cởi mở, tất cả những người khác, đang bị phiền não ràng buộc, đều cần phải xét tìm đầu dây, mối nhợ cho

rõ ràng, rồi chính nơi cái nút mà cởi, thì mới khỏi bị ràng buộc.

Nguyên do của mê lầm là vô minh, có phát nghiệp vô minh vọng động phân biệt thành năng thành sở, và nhuận sinh vô minh gắn bó với thân với cảnh, sinh ra những phiền não mê chấp. Song vô minh cũng như cái điên của anh Diễn-nhã-đạt-đa, toàn là những nhận thức sai lầm, không có căn cứ, không thể nào nói có ai làm và ai chịu.

Chúng ta hãy xét nơi sáu căn, sáu trần đối hiện cùng nhau, thế làm là vọng động phân biệt, thế nào là đấm chấp phiền não, đặng cởi cái nút ấy ra và nhận được thể tánh không cột không vướng, tức là pháp giới tánh như như bình đẳng.

Chúng sinh trong vô lượng kiếp, nhận cái căn thân là mình, đem cái căn thân mà đối đãi với hoàn cảnh, phân biệt sinh ra mê chấp phiền não, do đó, nên bị ràng buộc mãi, không được giải thoát.

Chi 2: *Chỉ rõ sự ràng buộc và siêu thoát của thế giới chúng sinh.*

Sáu căn đối với sáu trần, công năng có phần rộng hẹp khác nhau, như nhãn căn, tỷ căn, thân căn chỉ có tám trăm công năng, còn nhĩ căn, ý căn, thiệt căn đầy đủ một ngàn hai trăm công năng. Nhưng thiệt căn chỉ có một ngàn hai trăm công năng, khi là công cụ phát ra lời nói, chữ về tánh biết vị, hợp có hai phần có vị, không vị, ly có một phân, thiệt căn chỉ được có tám trăm công năng mà thôi.

Các căn hiện tại, về mặt sử dụng, tuy có khác nhau như thế, nhưng về bản tánh thì vẫn không có gì khác nhau. Nếu ở nơi một căn, nhận đúng cái nút là cái thức phân biệt mà cởi nó ra, xoay nó về tánh không sinh diệt, thì liền chứng được bản tánh viên mãn thông suốt của căn ấy, nương theo tánh viên mãn thông suốt ấy mà tu hành, công hiệu một ngày bằng một kiếp. Rồi Phật dạy, đối với các Đức Như Lai, cả mười tám giới đều là tánh giác diệu minh, không có gì là hơn kém, nhưng đối với những người mới phát tâm tu hành, thì nơi sáu căn, nên lựa một căn mà đi sâu vào, phá trừ mê chấp, nhận được tánh viên thông, thì cả sáu căn, đồng thời đều được thanh tịnh.

Chi 3: *Chỉ rõ chỗ hư vọng của sáu căn.*

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy, khi một căn được giải thoát, tất cả sáu căn đều thanh tịnh, nên ông lại nghĩ: Sáu căn khác nhau, mê ngộ khác nhau, làm sao chỉ tu ở nơi một căn, mà tất cả các căn đều thanh tịnh được. Đó là vì Tôn giả chưa rõ tâm tánh giá nơi sáu căn, mà phát ra trí giác, đến khi tâm tánh hiện tiền, cái một cũng không còn, huống nữa là cái sáu.

Chấp thật có sáu, tức là còn mắc trong vòng đối đãi của luân hồi

sống chết, chấp thật có một, tức là còn chấp có Niết-bàn thanh tịnh đối với luân hồi sống chết. Hàng Nhị thừa đoạn trừ mười kiết sử mà chứng quả. Trong mười kiết sử, có năm lợi sử là thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới thủ, tà kiến và có hai thứ: Phân biệt và câu sinh. Đoạn được kiết sử phân biệt thì chứng quả A-la-hán. Mười kiết sử mà hàng Nhị thừa đoạn được thuộc về phiền não chướng, tức là về phần ngã chấp. Về những sở tri chướng trong phần pháp chấp, thì hàng Nhị thừa vẫn còn nguyên vẹn, chưa đoạn được phần nào, chỉ có tu pháp Đại thừa mới lần lượt đoạn được các sở tri chướng phân biệt và câu sinh, và đến khi diệt hết câu sinh pháp chấp, thì nhập một với pháp giới tánh, tức là lên kim cương địa.

Để phá trừ cái nghi của Tôn giả A-nan, Phật dạy cho biết cả cái một và cái sáu đều là giả dối không thật. Nếu nói là một, tại sao con mắt không nghe, lỗ

tai không thấy, nhưng nếu nói là sáu, tại sao con mắt vừa thấy, lỗ tai vừa nghe, ý thức đã nhận biết sự này vật khác.

Sự thật tâm tánh cũng như hư không, không có gì là một hay là sáu. Khi thấy cái hư không trong đồ vuông, đồ tròn, hình như có hư không vuông, hư không tròn khác, đến khi trừ bỏ các đồ vuông tròn, lại gọi hư không là một, nhưng sự thật, hư không vẫn là hư không, vốn không hề có khác làm sao lại có cái đồng, vốn không hề có vuông tròn, làm sao lại có cái một? Tâm tánh nương nơi sáu căn, cũng như hư không ở trong các đồ vuông tròn, vốn không có gì là sáu hay một.

Tâm tánh diệu minh viên mãn cùng khắp, chỉ do không giác ngộ tâm tánh như thế, riêng nhận cái minh làm giác, mà năng sở hiện ra, năng sở đã thành lập, thì sở minh ảnh hưởng đến năng minh và năng minh phải bị cuộc vào trong phạm vi sở minh, không thể rời khỏi, nhân đó, nơi một tánh viên mãn yên lặng, có nhiều tự tướng phát sinh. Đối với sắc trần thì có nhãn căn, đối với thanh trần thì có nhĩ căn, đối với hương trần thì có tỷ căn, đối với vị trần thì có thiệt căn, đối với xúc trần thì có thân căn, đối với pháp trần thì có ý căn, tánh sáng suốt yên lặng bị gắn vào với sáu trần, nên nương với sáu căn mà phát ra có thấy nghe, hay, biết, làm cho những vật vô tri, cũng rong ruổi chạy theo trần cảnh, do đó, đối với mỗi trần đều có những cơ quan thích hợp, là phù trần căn và tịnh sắc căn để thâm nạp.

Phù trần căn do bốn đại thô phù kết hợp mà thành, ai ai đều có thể nhận được, tịnh sắc căn do bốn đại thanh tịnh tạo thành, không thể đem nhục nhãn mà thấy được, nhưng vẫn là vật chất, như luồng điện. Thông thường đều nghĩ, ý căn thuộc về tư tưởng, không có gì là vật chất, nhưng

trong đoạn này, Phật đã chỉ rõ ý căn, cũng có phù trần căn và tịnh sắc căn như các căn khác, phù trần căn này, theo sự hiểu biết hiện nay, là khối thần kinh trung ương của các loài động vật.

Chi 4: *Chỉ ra hư vọng không thật, phát minh chân tánh thì viên thoát.*

Nói tóm lại, chỉ vì không nhận được bản tánh tuyệt đối, giả dối lập thành có năng (chủ thể), có sở (đối tượng), mà sáu căn, sáu trần và tất cả sự tướng sinh diệt hiện ra, sự tướng hiện ra tuy nhiều, nhưng bản tánh là một, nhân đó, khi rời bỏ phân biệt dung hợp năng sở, chứng được bản tánh nơi một căn, thì nhận thức mê lầm được diệt trừ và tất cả các căn đều được giải thoát. Được như vậy, thì tâm và cảnh đều là pháp giới tánh, ngoài tâm, không có sự vật, ngoài sự vật, không có tâm, tánh sáng suốt bản nhiên không bị cuộc vào nơi các căn và trần cảnh, thiết thật không phải là ngoại vật, chừng đó, sáu căn có thể sử dụng thay lẫn nhau, như Tôn giả A-na-luật-đà đui cả hai mắt mà vẫn thấy, như Tôn giả Ma ha Ca-diếp diệt hết ý căn mà vẫn rõ biết.

Chúng sinh do căn trần đối đãi mà có phân biệt, nên khi không có căn trần, thì mờ mịt không còn biết gì, ngược lại, khi chứng được tánh sáng suốt ra ngoài căn trần đối đãi rồi, thì quyết định không còn điều gì có thể lu mờ được nữa.
